

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CĐVT

Lâm Đồng, ngày tháng 11 năm 2025

V/v: Lấy báo giá sửa chữa lớn máy
xúc bánh xích Hyundai R140LC-9s
số 03 phân xưởng Cơ điện Công ty
Nhôm Đắc Nông- TKV

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa lớn máy xúc bánh xích Hyundai R140LC-9s số 03 phân xưởng Cơ điện Công ty Nhôm Đắc Nông- TKV. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*)

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày **18/11/2025**.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, thôn 11, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo số: 0986.420.905

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ THIẾT BỊ, VẬT TƯ VÀ NỘI DUNG BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA
(Kèm theo Công văn số /DNA- CDVT ngày tháng 11 năm 2025)

A. Thông số thiết bị

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xúc bánh xích	- Loại: Robex R140LC-9S - Số khung: HHKHZ402EE0000921 - Công suất định mức (kW): 78 - Dung tích gầu (m³): 0,58m³ - Tốc độ di chuyển (km/h): 3,3-5,6 - Khối lượng (kg): 13.980 - Hãng sản xuất: Hyundai - Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	1	

B. Vật tư

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	VẬT TƯ NHỎ LẺ THAY THẾ TRONG QUÁ TRÌNH THÁO LẬP				
1	ĐỘNG CƠ				
1.1	Gioăng bộ sấy khí nạp	3931604 (YUBP-00485)	Cái	1	
1.2	Gioăng bộ sấy khí nạp	3938153 (YUBP-00889)	Cái	1	
2	NẮP BÁNH RĂNG TRƯỚC				
2.1	Gioăng	3931351 (YUBP-00892)	Cái	1	
2.2	Phốt	3935959 (3937111)	Cái	1	
2.3	Gioăng	3913944 (YUBP-00007)	Cái	1	
2.4	Gioăng	3915772 (YUBP-00012)	Cái	1	
2.5	Gioăng	3094818 (XKDE-01853)	Cái	1	
3	BLOCK				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	ĐỘNG CƠ				
3.1	Gioăng	3926047 (YUBP-07972)	Cái	1	
3.2	Bộ kit bên phải	3802820 (YUBP-00916)	Bộ	1	
3.3	Bộ kit bên trái	3926126 (YUBP-00153)	Bộ	1	
4	NẮP TRỤC CAM				
4.1	Gioăng	3283767 (YUBP-00917)	Cái	1	
5	VAN HẰNG NHIỆT				
5.1	Ổng cao su	3930565 (XKDE-01158)	Cái	1	
5.2	Cu li ê	3945819 (YUBP-08830)	Cái	1	
5.3	Phốt	3925466 (XKDE-01430)	Cái	1	
5.4	Phốt	3927305 (XKDE-01111)	Cái	1	
6	MÁY PHÁT				
6.1	Dây cu roa máy phát	3929330 (XKDE-00858)	Cái	1	
6.2	Phốt	3903475 (YUBP-00195)	Cái	1	
7	TRỤC PULY CÁNH QUẠT				
7.1	Phốt	3923044 (YUBP-00201)	Cái	1	
7.2	Phanh	3035960 (YUBP-00199)	Cái	2	
8	PHIN LỌC NHIÊN LIỆU				
8.1	Gioăng	3.906.694	Cái	1	
8.2	Gioăng	3906695 (YUBP-07090)	Cái	1	
9	VỎ BÁNH ĐÀ				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
9.1	Gioăng	3.863.864	Cái	1	
9.2	Phốt	3933262 (YUBP-02458)	Cái	1	
9.3	Gioăng	3912473 (YUBP-00006)	Cái	1	
9.4	Gioăng	3863488 (XKDE-02492)	Cái	1	
10	ỐNG DẦU VÒI PHUN				
10.1	Gioăng ống dầu	3863755 (XKDE-01559)	Cái	8	
10.2	Gioăng ống dầu	3918188 (YUBP-00261)	Cái	2	
10.3	Rắc co	3905307 (YUBP-00635)	Cái	2	
10.4	Culie ống xả	3903652 (YUBP-07077)	Cái	1	
11	KẾT MẮT DẦU ĐỘNG CƠ				
11.1	Gioăng	3942914 (XKDE-01105)	Cái	1	
11.2	Gioăng	3.942.915	Cái	1	
11.3	Gioăng	3924148 (YUBP-00872)	Cái	1	
11.4	Gioăng	3093844 (XKDE-01558)	Cái	2	
12	TAY BIÊN - PIS TÔNG				
12.1	Gioăng	3863755 (XKDE-01559)	Cái	4	
12.2	Gioăng	3909356 (YUBP-07316)	Cái	4	
12.3	Gioăng	3903380 (XKDE-02390)	Cái	4	
13	MẶT MÁY				
13.1	Gioăng mặt máy	3283333 (YUBP-01015)	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
13.2	Phốt ghép su páp	3957912 (XKDE-01433)	Cái	8	
13.3	Nút bịt	3812092 (YUBP-02383)	Cái	3	
13.4	Nút bịt	3922073 (YUBP-02383)	Cái	3	
13.5	Gioăng nắp mặt máy	3930906 (YUBP-00791)	Cái	4	
13.6	Gioăng tăng áp	3864271 (3936995)	Cái	4	
13.7	Gioăng	3939357 (YUBP-12484)	Cái	1	
13.8	Gioăng	3922794 (YUBP-01250)	Cái	2	
13.9	Gioăng	3037236 (YUBP-00449)	Cái	1	
13.10	Gioăng	3863787 (YUBP-06623)	Cái	1	
13.11	Gioăng	3932484 (YUBP-08307)	Cái	1	
13.12	Gioăng	3906697 (YUBP-07226)	Cái	1	
13.13	Gioăng	3963983 (YUBP-09001)	Cái	2	
14	ỐNG XẢ				
14.1	Gioăng ống xả	3864337 (XKDE-01096)	Cái	4	
14.2	Gioăng	3928759 (XKDE-02213)	Cái	1	
15	ĐƯỜNG HÚT				
15.1	Ống cao su định hình	11EG-20023	Cái	1	
15.2	Cô li e	11LB-40210 (17K5-01050)	Cái	1	
15.3	Cô li e	11LB-40220 (17LB-01370)	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
16	HỆ THỐNG LÀM MÁT				
16.1	Cô li ê	11Q4-44320 (11K4-44320)	Cái	2	
16.2	Cô li ê	S572-710006	Cái	1	
16.3	Cô li ê	S572-600006 (11K4-44370)	Cái	2	
16.4	Cô li ê	11Q4-44300 (11K4-44300)	Cái	1	
17	HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU				
17.1	Gioăng van khóa nhiên liệu	S631-018004	Cái	2	
17.2	Cô li ê	S520-015000	Cái	3	
18	THÙNG DẦU NHIÊN LIỆU				
18.1	Gioăng cảm biến mức nhiên liệu	E128-1053	Cái	1	
18.2	Gioăng	S632-170001 (S632-170002)	Cái	1	
19	HỆ THỐNG ĐIỆN				
19.1	Gioăng máy khởi động	3354514 (YUBP-01272)	Cái	1	
19.2	Gioăng cảm biến	21EA-50260	Cái	1	
20	HỆ THỐNG THỦY LỰC				
20.1	THÙNG DẦU THỦY LỰC				
20.1.1	Gioăng	S632-165001 (S632-165002)	Cái	1	
20.1.2	Gioăng	S632-170001 (S632-170002)	Cái	1	
20.1.3	Gioăng	S632-150001 (S632-150002)	Cái	1	
20.1.4	Phin lọc hơi thừa	31EE-02110 (31EE-02110-A)	Cái	1	
	ỐNG DẦU THỦY LỰC				
20.2	ỐNG DẦU TỪ BƠM THỦY LỰC ĐẾN VAN PHÂN PHỐI				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
20.2.1	Cô liê	S572-930006 (11K4-44310)	Cái	2	
20.2.2	Cô liê	S572-640006 (S572-650006)	Cái	2	
20.2.3	Cô liê	S572-570006 (S572-590006)	Cái	2	
20.2.4	Gioăng	S631-044004	Cái	2	
20.2.5	Gioăng	Y172-003004 (S631-046001)	Cái	1	
20.2.6	Gioăng	Y171-019004	Cái	2	
20.2.7	Gioăng	Y171-027004	Cái	4	
20.2.8	Gioăng	Y172-003004 (S631-046001)	Cái	1	
20.2.9	Gioăng	S631-071001	Cái	1	
20.3	ỐNG DẦU TỪ VẠN ĐẾN CÁC THAO TÁC LÀM VIỆC				
20.3.1	Gioăng	S621-014001	Cái	8	
20.3.2	Gioăng	S621-018001	Cái	12	
20.3.3	Gioăng	S631-024004 (S631-024001)	Cái	3	
20.3.4	Gioăng	S631-029004	Cái	3	
20.4	ỐNG DẦU DI CHUYỂN				
20.4.1	Gioăng	S621-012001	Cái	1	
20.4.2	Gioăng	S621-014001	Cái	3	
20.4.3	Gioăng	S621-018001	Cái	5	
20.4.4	Gioăng	S631-024004 (S631-024001)	Cái	8	
20.4.5	Gioăng	Y171-019001 (Y171-019004)	Cái	6	
20.4.6	Gioăng	Y171-015004	Cái	2	
20.5	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN				
20.5.1	Gioăng (A)	S621-011001 (S621-011004)	Cái	22	
20.5.2	Gioăng (B)	S631-011004	Cái	20	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
20.5.3	Gioăng Ống dầu điều khiển	S621-011001 (S621-011004)	Ống	20	
20.5.4	Gioăng Ống dầu điều khiển	S631-011004	Ống	14	
20.5.5	Gioăng Ống dầu điều khiển	S631-014004	Ống	2	
20.6	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN ĐẾN TAY ĐIỀU KHIỂN TRÁI				
20.6.1	Gioăng	S631-011004	Cái	4	
20.6.2	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	8	
20.7	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN ĐẾN TAY ĐIỀU KHIỂN PHẢI				
20.7.1	Gioăng	S631-011004	Cái	6	
20.7.2	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	20	
20.7.3	Gioăng	S631-011004	Cái	4	
20.7.4	Gioăng	S631-011004	Cái	4	
20.8	ỐNG DẦU ĐK VAN PHÂN PHỐI - MÔ TƠ QUAY - CHIA DẦU				
20.8.1	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	12	
20.8.2	Gioăng	S621-012001	Cái	6	
20.8.3	Gioăng	S621-014001	Cái	2	
20.8.4	Gioăng	S621-018001	Cái	2	
20.8.5	Gioăng	S631-011004	Cái	11	
20.8.6	Gioăng	S631-014004	Cái	3	
20.8.7	Gioăng	S631-018004	Cái	1	
20.8.8	Gioăng	S631-024004 (S631-024001)	Cái	2	
20.9	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN BƠM THỦY LỰC - VAN PHÂN PHỐI - VAN ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN				
20.9.1	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	12	
20.9.2	Gioăng	S621-014001	Cái	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
20.9.3	Gioăng	S621-018001	Cái	4	
20.9.4	Gioăng	S631-011004	Cái	7	
20.9.5	Gioăng	S631-014004	Cái	2	
20.9.6	Gioăng	S631-018004	Cái	3	
20.9.7	Gioăng	S631-024004 (S631-024001)	Cái	1	
20.9.8	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	2	
20.9.9	Gioăng	S621-014001	Cái	2	
20.9.10	Gioăng	S621-018001	Cái	4	
20.9.11	Gioăng	S631-011004	Cái	7	
20.9.12	Gioăng	S631-014004	Cái	2	
20.9.13	Gioăng	S631-018004	Cái	3	
20.9.14	Gioăng	S631-024004 (S631-024001)	Cái	1	
20.9.15	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	16	
20.9.16	Gioăng	S621-012001	Cái	1	
20.9.17	Gioăng	S631-008004 (S631-008001)	Cái	2	
20.9.18	Gioăng	S631-011004	Cái	7	
20.9.19	Gioăng	S631-014004	Cái	1	
20.9.20	Gioăng	S631-024001	Cái	3	
20.9.21	Gioăng	S631-018001 (S631-018004)	Cái	2	
20.9.22	Gioăng	S631-011001 (S631-011004)	Cái	8	
20.9.23	Gioăng	S621-018001	Cái	1	
20.9.24	Gioăng	S621-014001	Cái	4	
20.9.25	Gioăng	S631-014001	Cái	2	
20.9.26	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	9	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
20.10	ỐNG DẦU DI CHUYỂN				
20.10.1	Gioăng bộ chia dầu	31N1-40970	Cái	1	
20.10.2	Ống dầu	P950-127334	Ống	2	
20.10.3	Ống dầu	P920-082035	Ống	1	
20.10.4	Ống dầu	P930-042043	Ống	1	
20.10.5	Gioăng	Y171-019001 (Y171-019004)	Cái	4	
20.10.6	Gioăng	S631-011004	Cái	2	
20.10.7	Gioăng	S631-014004	Cái	1	
20.10.8	Gioăng	S631-018004	Cái	3	
20.10.9	Gioăng	S631-021004	Cái	4	
20.10.10	Gioăng	S621-011001 (S621-011004)	Cái	4	
20.10.11	Gioăng	S621-014001	Cái	4	
20.10.12	Gioăng	S621-018001	Cái	4	
20.11	ỐNG DẦU NÂNG CẦN				
20.11.1	Gioăng	Y171-019004	Cái	3	
20.11.2	Gioăng	S621-018001	Cái	7	
20.11.3	Ống dầu	P910-128020	Ống	1	
20.11.4	Gioăng	S621-014001	Cái	4	
20.11.5	Gioăng	S621-018001	Cái	16	
20.11.6	Gioăng	Y171-019004	Cái	2	
20.12	ỐNG DẦU TAY CẦN				
20.12.1	Gioăng	S621-018001	Cái	2	
20.12.2	Gioăng	Y171-019004	Cái	2	
20.13	BỘ ĐIỀU KHIỂN				
20.13.1	Gioăng	XJBN-00286 (XJBN-00909)	Cái	1	
20.13.2	Gioăng	XJBN-00285 (S631-006004)	Cái	3	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
20.13.3	Gioăng	XJBN-00231 (S631-010004)	Cái	1	
20.13.4	Gioăng	XJBN-00044 (S631-008001)	Cái	18	
20.13.5	Gioăng	XJBN-00230 (S631-022004)	Cái	1	
20.13.6	Gioăng	XJBN-00820 (S631-016006-90)	Cái	1	
20.13.7	Gioăng	XJBN-00097 (S631-018004)	Cái	7	
20.13.8	Gioăng	XJBN-00282 (S631-020004)	Cái	1	
20.13.9	Gioăng	XJBN-00281 (S632-025004)	Cái	1	
20.13.10	Gioăng	XJBN-00280 (S631-12S004)	Cái	1	
20.13.11	Gioăng	XJBN-01026 (XJBN-01369)	Cái	1	
20.13.12	Gioăng	XJBN-01369	Cái	1	
20.13.13	Gioăng	XJBN-00441 (S631-009004)	Cái	2	
20.13.14	Gioăng	XJBN-00362 (S631-011004)	Cái	5	
20.13.15	Gioăng	XJBN-00279 (S631-026004)	Cái	1	
20.13.16	Gioăng	XJBN-00094 (XKAH-00589)	Cái	1	
20.14	BƠM THỦY LỰC				
20.14.1	Gioăng	XJBN-00400 (S632-115004)	Cái	2	
20.14.2	Gioăng	XJBN-00044 (S631-008001)	Cái	18	
20.14.3	Gioăng	XJBN-00045 (S631-011004)	Cái	2	
20.14.4	Gioăng	XJBN-01357 (S631-	Cái	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
		014004)			
20.14.5	Gioăng	XJBN-00097 (S631-018004)	Cái	4	
20.14.6	Gioăng	XJBN-00820 (S631-016006-90)	Cái	2	
20.14.7	Phốt	XJBN-01029	Cái	1	
20.15	BỘ ĐỀU KHIỂN BƠM				
20.15.1	Gioăng	XJBN-00286 (XJBN-00909)	Cái	1	
20.15.2	Gioăng	XJBN-00286 (XJBN-00909)	Cái	4	
20.15.3	Gioăng	XJBN-00044 (S631-008001)	Cái	9	
20.15.4	Gioăng	XJBN-00231 (S631-010004)	Cái	1	
20.15.5	Gioăng	XJBN-00097 (S631-018004)	Cái	1	
20.15.6	Gioăng	XJBN-00230 (S631-022004)	Cái	1	
20.15.7	Gioăng	XJBN-00820 (S631-016006-90)	Cái	1	
20.15.8	Gioăng	XJBN-00282 (S631-020004)	Cái	1	
20.15.9	Gioăng	XJBN-00281 (S632-025004)	Cái	1	
20.15.10	Gioăng	XJBN-00280 (S631-12S004)	Cái	1	
20.15.11	Gioăng	XJBN-001026	Cái	1	
20.15.12	Gioăng	XJBN-01369	Cái	1	
20.15.13	Gioăng	XJBN-00441 (S631-009004)	Cái	2	
20.15.14	Gioăng	XJBN-00362 (S631-011004)	Cái	5	
20.15.15	Gioăng	XJBN-00279 (S631-	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
		026004)			
20.15.16	Gioăng	XJBN-00094 (XKAH-00589)	Cái	1	
20.16	BƠM BÁNH RĂNG				
20.16.1	Lưới lọc	XJBN-00330	Cái	1	
20.16.2	Gioăng	XJBN-00387 (S632-085001)	Cái	1	
20.16.3	Gioăng	XJBN-00045 (S631-011004)	Cái	1	
20.16.4	Gioăng	XJBN-00283 (S631-016004)	Cái	1	
20.17	VAN PHÂN PHỐI				
20.17.1	Gioăng	XKBF-01475	Cái	2	
20.17.2	Gioăng	XKBF-01328 (S631-010004)	Cái	2	
20.17.3	Gioăng	XKBF-00733	Cái	5	
20.17.4	Gioăng	XKBF-01330 (S631-011004)	Cái	4	
20.17.5	Gioăng	XKBF-01331 (S631-014004)	Cái	6	
20.17.6	Gioăng	XKBF-01332	Cái	11	
20.17.7	Gioăng	XKBF-01333 (XKCG-00582)	Cái	4	
20.17.8	Gioăng	XKBF-01334 (S631-022004)	Cái	9	
20.17.9	Gioăng	XKBF-01335	Cái	3	
20.17.10	Gioăng	XKBF-01336 (S631-026004)	Cái	2	
20.17.11	Gioăng	XKBF-01337	Cái	14	
20.17.12	Gioăng	XKBF-01329 (S631-010004)	Cái	2	
20.17.13	Gioăng	XKBF-01282	Cái	1	
20.17.14	Gioăng	XKBF-01283	Cái	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
21	ĐỘNG CƠ, GIẢM TỐC QUAY TOA				
21.1	Phốt	XKAQ-00087	Cái	1	
21.2	Bộ gioăng phốt	XKAY-01117	Bộ	1	
22	TAY ĐIỀU KHIỂN				
22.1	Bộ kit gioăng	XKAY-01723 (XKAY-02026)	Bộ	8	
22.2	Gioăng	S631-014004	Cái	12	
23	BÀN ĐẠP DI CHUYỂN				
23.1	Gioăng	XKAY-00667	Kit	1	
24	MÔ TƠ DI CHUYỂN (ĐỜI MÁY TYPE2)				
24.1	Bộ kit gioăng	XKAY-00518	Bộ	2	
25	GIẢM TỐC DI CHUYỂN				
25.1	Phốt	XKAY-01836	Cái	2	
25.2	Gioăng	XKAY-01811	Cái	2	
25.3	Gioăng	XKAY-00155 (XKAY-01806)	Cái	5	
25.4	Gioăng	XKAY-00100 (XKAY-00063)	Cái	1	
25.5	Gioăng	XKAY-00945	Cái	2	
25.6	Gioăng	XKAY-01309	Cái	2	
26	BỘ CHIA				
26.1	Bộ gioăng phốt	31N6-40950	Bộ	1	
27	XY LANH NÂNG CẦN				
27.1	Bộ gioăng	31Y1-31320	Bộ	2	
27.2	Phốt chắn mỡ	Y020-070000	Cái	8	
28	XY LANH TAY CẦN				
28.1	Bộ gioăng	31Y1-31150	Bộ	1	
28.2	Phốt chắn mỡ	Y020-070000	Cái	4	
28.3	Cần nhựa	Y191-086000	Cái	1	
29	XY LANH ĐÓNG MỞ GÀU				
29.1	Bộ gioăng	31Y1-31490	Bộ	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
29.2	Phốt chấn mỡ	Y020-070000	Cái	4	
29.3	Căn	Y191-076000	Cái	1	
	VAN ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN				
	LẮP PHẦN GÀM				
30	GALIE TỖ (CON LẮM DƯỚI)				
30.1	Gioăng	82E6-2208 (81E6-2208)	Cái	8	
31	GALIE ĐỖ (CON LẮM TRÊN)				
31.1	Gioăng	82E6-2407	Cái	2	
31.2	Gioăng	82E6-2312	Cái	2	
32	BÁNH DẪN HƯỚNG				
32.1	Gioăng	81N4-13170	Cái	4	
33	BỘ ĐIỀU CHỈNH TĂNG XÍCH				
33.1	Căn nhựa	81E1-3101	Cái	2	
33.2	Căn nhựa	81E1-3201	Cái	2	
33.3	Phốt	81E1-3301	Cái	2	
33.4	Van bơm mỡ	81N6-14240 (81Q6-14241)	Cái	2	
34	CA BIN				
34.1	Gioăng kính	71Q6-03010	Cái	1	
34.2	Gioăng kính trước	71Q6-03480	Cái	1	
34.3	Gioăng kính trước	S771-015000	Cái	1	
34.4	Gioăng cánh cửa	S776-050300 (71Q6-02040)	Cái	1	
35	HỆ THỐNG KHUNG				
35.1	Gioăng	82E3-10040	Cái	2	
36	CẢN CHÍNH				
36.1	Căn ắc	S993-070140	Cái	16	
36.2	Căn ắc	61Q8-00130	Cái	5	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
36.3	Căn ắc	61Q8-00140	Cái	5	
36.4	Căn ắc	S991-070140	Cái	8	
36.5	Phanh chặn ắc	61Q4-19010	Cái	2	
36.6	Căn ắc	S993-070135	Cái	2	
36.7	Phốt chắn mỡ	Y020-07001	Cái	2	
36.8	Vú bơm mỡ	S651-81002	Cái	1	
37	TAY CẦN				
37.1	Vú mỡ	S651-810002 (S651-810008)	Cái	1	
37.2	Phốt chắn mỡ	Y020-065111	Cái	2	
37.3	Phốt chắn mỡ	Y020-065111	Cái	2	
38	CÀNG CHỮ H				
38.1	Phốt chắn mỡ	Y020-065111	Cái	2	
38.2	Phốt chắn mỡ	Y020-070011	Cái	4	
38.3	Gioăng	E161-3052	Cái	4	
38.4	Căn	S993-070130	Cái	4	
38.5	Căn	S991-070130	Cái	3	
38.6	Căn	S993-065125	Cái	2	
38.7	Căn	S992-070140	Cái	4	
38.8	Căn	S994-070140	Cái	2	
38.9	Căn	S991-070135	Cái	1	
38.10	Căn	S390-065110A	Cái	2	
38.11	Căn	S991-065125	Cái	1	
38.12	Căn	S391-070130	Cái	2	
38.13	Căn	S392-070130	Cái	2	
HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA					
PHẦN LỌC CÁC LOẠI					
1	Lọc dầu động cơ	11E1-70010	Cái	1	
2	Lọc tách nước	11LB-20310 (11NA-72011)	Cái	1	
3	Lọc nhiên liệu	11E1-70010-AS	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	thô				
4	Lọc nhiên liệu tinh	11E1-70210-AS	Cái	1	
5	Lọc điều khiển thủy lực	31Q6-20340-P	Cái	1	
6	Lọc xả bơm thủy lực	31RF-10350	Cái	1	
7	Lọc hút bơm thủy lực	31N8-01360-AS	Cái	1	
8	Lọc gió điều hòa	11Q6-90510-P	Cái	1	
9	Lọc gió ngoài + trong	11N6-27040ED + 11N6-27030-AS	Bộ	1	
VẬT LIỆU PHỤ PHỤC VU SỬA CHỮA					
1	PHẦN ĐIỆN				
1.1	Dây rút	10x500mm; 100 sợi/bịch	Bịch	2	
1.2	Băng keo điện	5MILx3/4x20Y- Màu đen	Cuộn	10	
1.3	Dầu chống gỉ	RP7; 350g	Hộp	1	
2	PHẦN GÀM- KẾT CẤU				
2.1	Ô xy	Độ tinh khiết >=99.5%; 40 lít/bình	Chai	3	
2.2	Khí ga	12kg/ bình	Bình	2	
2.3	Que hàn	KT-421 3.2mm	Kg	5	
2.4	Que hàn	KT-421 4mm	Kg	5	
2.5	Que hàn	E7016; 4.0mm	Kg	5	
2.7	Đá mài	Ø100x6x16mm	Viên	6	
2.8	Sơn chống rỉ	Màu ghi	Kg	5	
2.9	Xăng thơm	Axetone	Lít	20	
2.10	Chổi quét sơn	Bản rộng 5 cm	Cái	10	
2.11	Giẻ lau	Cotton; 30x30cm	Kg	15	
3	PHẦN KẾT NƯỚC				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
3.1	Đá mài	Ø100x6x16mm	Viên	10	
3.2	Đá cắt	Ø100x1.5x16mm	Viên	5	
3.3	Sơn dầu	Màu xanh dương	kg	10	
3.4	Ô xy	Độ tinh khiết ≥99.5%; 40 lít/bình	Chai	2	
3.5	Khí ga	12kg/ bình	Bình	4	
3.6	Giẻ lau	Cotton; 30x30cm	Kg	5	
3.7	Phụ gia súc kết nước	RadClean; 250ml/chai	Chai	5	
4	PHẦN ĐỘNG CƠ				
4.1	Bát đánh gỉ	Ø100x16mm	Cái		
4.2	Giấy nhám	230x280mm; độ nhám #100	Tờ		
4.3	Giấy nhám	230x280mm; độ nhám #2500	Tờ		
4.4	Giẻ lau	Cotton; 30x30cm	Kg		
4.5	Khăn vải đa năng	30x30cm, 3kg/cuộn, màu trắng	Cuộn		
4.6	Dầu chống gỉ	RP7; 350g	Hộp		
4.7	Băng keo điện	5MILx3/4x20Y- Màu đen	Cuộn		
4.8	Màng bọc	50cm; 3kg/cuộn; vật liệu: nhựa PE; màu trắng	Cuộn		
4.9	Keo dán gioăng	85g/tuýp; màu đỏ	Tuýp		
5	DẦU MỠ CÁC LOẠI				
5.1	Dầu đổ các te động cơ	SAE 15W/40 CI4	Lít	19,5	
5.2	Dầu đổ phin lọc + ống dẫn động cơ	SAE 15W/40 CI4	Lít	3	
5.3	Dầu bôi trơn lắp ghép động cơ	SAE 15W/40 CI4	Lít	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
5.4	Dầu giảm tốc quay toa (dầu truyền động)	Total Transtec5 80W90	Lít	15	
5.5	Dầu hộp PTO (dầu truyền động)	Total Transtec5 80W90	Lít	2,5	
5.6	Dầu truyền động cuối (dầu truyền động)	Total Transtec5 80W90	Lít	20	
5.7	Dầu thủy lực	Total Azolla ZS 46 (ISO VG 68)	Lít	200	
5.8	Mỡ bôi trơn	Total Multis EP3	Kg	10	
5.9	Dầu DO vệ sinh	0.05S-II	Lít	120	
5.10	Dầu DO Chạy rà và chạy không tải	0.05S-II	Lít	125	
5.11	Xăng	A95	Lít	10	
6	SƠN XE CÁC LOẠI				
6.1	Sơn chống gỉ	màu xanh; 18 lit/thùng	Thùng	1	
6.2	Sơn dầu	Màu xanh dương	Kg	10	
6.3	Xăng thơm	Axetone	Lít	25	
6.4	Giấy nhám	230x280mm; độ nhám #80	Tờ	5	
6.5	Giấy nhám vải	Độ nhám 100, bề rộng 100mm	Mét	5	
6.6	Bát đánh gỉ	Ø100x16mm	Cái	5	
6.7	Xà phòng	Bột Ô mô	Kg	5	
6.8	Khăn vải đa năng	30x30cm, 3kg/cuộn, màu trắng	Cuộn	1	
6.9	Khí ga máy lạnh	R134a; loại 3kg/bình	Bình	1	
	PHẦN PHỤ TÙNG CÁC LOẠI				
1	ĐỘNG CƠ				
1.1	Xy lanh	3.904.166	Cái	4	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1.2	Bạc (bộ)	3933224 (YUBP-00896)	Bộ	1	
1.3	Bạc trục cơ	3802010 (YUBP-00902)	Bộ	1	
1.4	Bạc trục cam	3.940.059	Cái	1	
1.5	Cánh quạt động cơ	11Q6-01220 (11Q6-01221) (11Q6-01221)	Cái	1	
1.6	Đệm chân máy	11N4-00060-DA	Cái	2	
1.7	Bu lông chân máy	S017-20135D (S017-201306)	Cái	2	
1.8	Bu lông chân máy	S017-16130D	Cái	2	
1.9	Đai ốc	S441-160006	Cái	2	
1.10	Tắt máy	3864274 (XKDE-01455)	Cái	1	
1.11	Đai ốc	3093946 (XKDE-01243)	Cái	1	
1.12	Khớp nối	3863152 (XKDE-01353)	Cái	1	
1.13	Đai ốc	3093946 (XKDE-01243)	Cái	2	
1.14	Thanh nối	3863999 (YUBP-06649)	Cái	1	
1.15	Đai ốc	3863154 (XKDE-01244)	Cái	1	
1.16	Pitong + ốc+ khóa	3957797 (XKDE-02381)	Bộ	4	
1.17	Mặt máy	3966447	Cái	1	
1.18	Nút bịt	3008468 (YUBP-00112)	Cái	5	
1.19	Nút bịt	3906619	Cái	2	
1.20	Bu lông mặt máy	3920780 (YUBP-00756)	Cái	10	
1.21	Bu lông mặt	3920779 (YUBP-	Cái	4	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	máy	07788)			
1.22	Ốc tay biên	4891179 (YUBP-10480)	Cái	8	
1.22	Trục cơ	3929036 (3907803)	Cái	1	
1.23	Bánh răng	3929027 (XKDE-01124)	Cái	1	
1.24	Chốt bánh răng	3904483 (YUBP-00131)	Cái	1	
1.25	Lò xo	3932453 (XKDE-01474)	Cái	8	
1.26	Dây điện chính	21Q4-17203 (21Q4-17205)	Cái	1	
1.27	Dây điện	21Q8-11110 (21K6-11100)	Cái	1	
1.28	Dây điện	21Q8-11130	Cái	1	
1.29	Dây điện	21EG-10101 (21K6-10160)	Cái	1	
1.30	Dây điện	21N4-01502	Cái	1	
1.31	Dây điện	21Q8-11300	Cái	1	
1.32	Dây điện cần boom	21Q4-60900	Cái	1	
1.33	Dây điện động cơ	21Q4-17300	Cái	1	
1.34	Dây đề	21EA-00191	Cái	1	
1.35	Dây máy phát	21N8-43000	Cái	1	
1.36	Dây điện	21WD-44420 (2BQ4-44420)	Cái	1	
1.37	Dây điện	21WD-44410 (2BQ4-44410)	Cái	1	
1.38	Dây điện	21N4-01580 (21N4-01581)	Cái	1	
1.39	Dây điện	21N4-01571	Cái	1	
1.40	Dây điện	21N6-21240	Cái	1	
1.41	Bình điện	12V; 90Ah; bình khô	Cái	2	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
142	Bu lông	S037-103026	Cái	16	
2	TRỤC PULY CÁNH QUẠT				
2.1	Bơm cao áp	4063968 (YUBP-12228)	Cụm	1	
2.2	Trục	3911924 (YUBP-00203)	Cái	1	
3	ỐNG DẦU VÒI PHUN				
3.1	Vòi phun (kim phun)	4025334 (XKDE-01809)	Cái	4	
3.2	Bơm dầu động cơ	3937027 (YUBP-00977)	Cái	1	
4	TAY BIÊN - PIS TÔNG				
4.1	Bạc biên dưới	4893693 (XKDE-00854)	Cái	4	
4.2	Bạc biên trên	3939859 (YUBP-01150)	Cái	4	
4.3	Bạc	4891178 (YUBP-00683)	Cái	4	
4.4	Xéc măng	3938177 (XKDE-02382)	Bộ	4	
4.5	Phanh ắc	3901706 (YUBP-06995)	Cái	8	
4.6	Trục cam	3929885 (YUBP-00983)	Cái	1	
5	MẶT MÁY				
5.1	Su páp hút	3920867 (YUBP-00748)	Cái	4	
5.2	Su páp xả	3920868 (YUBP-00843)	Cái	4	
5.3	Móng hãm su páp	3900250 (YUBP-00747)	Cái	16	
5.4	Tăng áp	3599356 (4089714)	Cái	1	
5.5	Bơm nước	3285410 (XKDE-02681)	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
6	ỐNG XẢ				
6.1	Cao su chân máy trước	11N6-08250	Cái	4	
6.2	Cao su chân máy sau	11N6-10450	Cái	4	
7	ĐƯỜNG XẢ				
7.1	Khớp bầu giảm thanh - tăng áp	11N4-30030	Cái	1	
8	HỆ THỐNG LÀM MÁT				
s	Ống cao su định hình	1BQ4-44110	Cái	1	
8.2	Ống cao su định hình	1BQ4-44110	Cái	1	
8.3	Ống cao su thẳng	11Q6-40470	Cái	1	
8.4	Nắp két nước	11N4-49480 (XKDG-00028)	Cái	1	
9	HỆ THỐNG ĐIỆN				
9.1	Máy khởi động	3864298 (YUBP-00573)	Cái	1	
9.2	Đèn pha ca bin	21QB-60700	Cái	2	
9.3	Còi điện	21N5-10061	Bộ	1	
9.4	Bộ dây chính	21Q4-16101	Bộ	1	
9.5	Bơm nước	21EG-10130	Cái	1	
9.6	Công tắc mát (điện)	21QA-70010 (21QA-70011)	Cái	1	
9.7	Còi lùi	21N4-46800 (21N4-46802)	Cái	1	
9.8	Đèn pha trên cần	21QB-60700	Cái	2	
9.9	Máy phát	21Q6-41000	Cái	1	
9.10	Rơ le đề	21N6-30120	Cái	1	
9.11	Cảm biến nhiệt độ nước	21EN-40100	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
9.12	Công tắc áp suất dầu động cơ	21E3-5001	Cái	1	
9.13	Công tắc mát (tay)	21LM-10500 (21LM-10502)	Cái	1	
9.14	Mô tơ gạt mưa	21N6-01281	Cái	1	
9.15	Chổi gạt mưa	21Q6-01230	Cái	1	
9.16	Ổ khóa đề + chìa	21Q4-00060 (21Q4-00061)	Cái	1	
9.17	Đèn pha nóc ca bin	21QB-60700	Cái	2	
9.18	Màn hình điều khiển	21Q6-30104 (21Q6-30105)	Bộ	1	
9.19	Cảm biến áp suất dầu thủy lực	31Q4-40830	Cái	1	
9.20	Cảm biến áp suất dầu thủy lực	31N4-20100 (31Q4-40870)	Cái	1	
9.21	Cảm biến khí nạp	11FG-20110	Cái	1	
9.22	Hộp điều khiển	21Q4 - 32111	Cái	1	
10	HỆ THỐNG THỦY LỰC				
10.1	Khớp nối bơm - động cơ	13E6-16040	Cái	1	
	ỐNG DẦU THỦY LỰC				
11	ỐNG DẦU TỪ BƠM THỦY LỰC ĐẾN VAN PHÂN PHỐI				
11.1	Ống dầu thủy lực	P993-128419	Ống	1	
11.2	Ống dầu thủy lực	P993-128418	Ống	1	
11.3	Ống cao su	P760-093022	Ống	1	
11.4	Ống cao su	P760-063022	Ống	2	
11.5	Ống cao su	31N4-15370	Ống	1	
12	ỐNG DẦU DI CHUYỂN				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
12.1	Ống dầu TL từ van phân phối đến mô tơ quay	31Q4-13090	Cái	1	
12.2	Ống dầu TL từ van phân phối đến mô tơ quay	31Q4-13100	Cái	1	
12.3	Ống dầu thủy lực từ van phân phối	P933-127023	Cái	1	
13	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN				
13.1	Ống dầu điều khiển	X400-042022 (P910-042022)	Cái	2	
13.2	Ống dầu điều khiển	X400-042023	Cái	1	
13.3	Ống dầu điều khiển	X400-042029	Cái	1	
13.4	Ống dầu điều khiển	X400-042034	Cái	1	
13.5	Ống dầu điều khiển	X400-042031 (P910-042031)	Cái	1	
13.6	Ống dầu điều khiển	X420-042024	Cái	1	
13.7	Ống dầu điều khiển	X400-042026	Cái	1	
13.8	Ống dầu điều khiển	X400-042027	Cái	1	
13.9	Ống dầu điều khiển	X420-042022	Cái	1	
13.10	Ống dầu điều khiển	X400-042020	Cái	2	
13.11	Ống dầu điều khiển	X400-042067 (P910-042067)	Cái	2	
13.12	Ống dầu điều khiển	X420-042007 (P930-042007)	Cái	1	
13.13	Ống dầu điều khiển	X420-042019	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	khuyến				
13.14	Ống dầu điều khiển	X420-042021 (P930-042021)	Cái	1	
13.15	Ống dầu điều khiển	X400-042060	Cái	2	
13.16	Ống dầu điều khiển	X420-042009	Cái	1	
13.17	Ống dầu điều khiển	X420-042012 (P930-042012)	Cái	1	
13.18	Ống dầu điều khiển	X420-042020	Cái	1	
14	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN ĐẾN TAY ĐIỀU KHIỂN PHẢI				
14.1	Ống dầu điều khiển	X400-042018	Cái	2	
14.2	Ống dầu điều khiển	X410-042023	Cái	2	
14.3	Ống dầu điều khiển	X410-042034	Cái	2	
14.4	Ống dầu điều khiển	X410-042036	Cái	2	
15	ỐNG DẦU ĐIỀU KHIỂN BƠM THỦY LỰC - VAN PHÂN PHỐI - VAN ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN				
15.1	Ống dầu điều khiển	X400-042008	Cái	1	
15.2	Ống dầu điều khiển	P930-043041	Cái	1	
15.3	Ống dầu điều khiển	X420-042010	Cái	1	
15.4	Ống dầu điều khiển	X420-042008 (P930-042008)	Cái	1	
15.5	Ống dầu điều khiển	X420-042009	Cái	1	
15.6	Ống dầu điều khiển	P930-043049	Cái	1	
15.7	Ống dầu điều khiển	P930-082009	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	khuyến				
15.8	Ổng dầu điều khiển	P920-122011	Cái	1	
15.9	Ổng dầu điều khiển	P930-122014	Cái	1	
15.10	Ổng dầu điều khiển	X420-042027	Cái	1	
15.11	Ổng dầu điều khiển	X400-042008	Cái	1	
15.12	Ổng dầu điều khiển	P930-043041	Cái	1	
15.13	Ổng dầu điều khiển	X420-042010	Cái	1	
15.14	Ổng dầu điều khiển	X420-042008 (P930-042008)	Cái	1	
15.15	Ổng dầu điều khiển	X420-042009	Cái	1	
15.16	Ổng dầu điều khiển	P930-042049	Cái	1	
15.17	Ổng dầu điều khiển	P930-082009	Cái	1	
15.18	Ổng dầu điều khiển	P930-122014	Cái	1	
15.19	Ổng dầu điều khiển	X420-042010	Cái	1	
15.20	Ổng dầu điều khiển	X420-042008 (P930-042008)	Cái	1	
15.21	Ổng dầu điều khiển	X420-042011 (P930-042011)	Cái	1	
15.22	Ổng dầu điều khiển	X420-042006 (P930-042006)	Cái	1	
15.23	Ổng dầu điều khiển	P910-062037	Cái	1	
15.24	Ổng dầu điều khiển	X420-042036	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
15.25	Ổng dầu điều khiển	X420-042018 (P930-042018)	Cái	1	
15.26	Ổng dầu điều khiển	X400-042007	Cái	1	
15.27	Ổng dầu điều khiển	X400-042010	Cái	1	
15.28	Ổng dầu điều khiển	31N4-12251	Cái	1	
15.29	Ổng dầu điều khiển	P930-089019	Cái	2	
15.30	Ổng dầu điều khiển	X400-042014	Cái	1	
15.31	Ổng dầu điều khiển	X420-042020	Cái	1	
15.32	Ổng dầu điều khiển	X420-042024	Cái	1	
BƠM THỦY LỰC					
1	Bơm dầu thủy lực	31Q4-10910	Cái	1	
2	Giảm chấn bơm	11EM-12040	Cái	1	
BỘ ĐIỀU KHIỂN					
VAN PHÂN PHỐI					
1	Cảm biến	100bar 31Q4-40820	Cái	1	
2	Cảm biến	500bar 31Q4-40800	Cái	2	
3	Cảm biến	50Bar 31Q4-40830	Cái	1	
4	Nút hãm	3957913 (3935038)	Cái	8	
16	GIẢM TỐC QUAY				
16.1	Căn bánh răng hành tinh số 2	XKAQ-00084	Cái	1	
16.2	Căn bánh răng hành tinh số 1	XKAQ-00524	Cái	1	
16.3	Căn	XKAQ-00093	Cái	7	
16.4	Vòng bi trên	XKAQ-00089	Cái	1	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
16.5	Căn	XKAQ-00513	Cái	1	
s16.6	Căn	XKAQ-00514	Cái	1	
16.7	Vòng bi	XKAQ-00515	Cái	1	
16.8	Giá đỡ bánh răng vệ tinh	XKAQ-00516	Cái	1	
16.9	Bánh răng vệ tinh	XKAQ-00517	Cái	4	
16.10	Ắc + bạc bánh răng vệ tinh	XKAQ-00518	Cái	4	
16.11	Căn bánh răng vệ tinh	XKAQ-00093	Cái	7	
16.12	Chốt lò xo	XKAQ-00086	Cái	7	
16.13	Bánh răng chuyển tầng	XKAQ-00519	Cái	1	
16.14	Giá đỡ bánh răng vệ tinh	XKAQ-00520	Cái	1	
16.15	Bánh răng vệ tinh	XKAQ-00521	Cái	3	
16.16	Ắc + bạc bánh răng vệ tinh	XKAQ-00522 (XKAQ-00816)	Cái	3	
16.17	Phanh hãm ắc bánh răng vệ tinh	XKAQ-00085	Cái	3	
16.18	Bánh răng trung gian	XKAQ-00523	Cái	1	
16.19	Căn bánh răng trung gian	XKAQ-00524	Cái	1	
16.20	Vòng bi	XKAY-00282	Vòng	1	
16.21	Vòng bi	XKAY-00304	Vòng	1	
16.22	Giảm tốc quay toa	31Q4-11142 (31Q4-11142)	Bộ	1	
16.23	Mô tơ quay toa	(31Q4-11130) 31Q4-11150AR	Bộ	1	
17	TAY ĐIỀU KHIỂN				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
17.1	Khớp chữ thập	JA2M5009A (XKAY-01066)	Cái	2	
18	MÔ TƠ DI CHUYỂN (ĐỜI MÁY TYPE2)				
18.1	Trục	XKAY-01835	Cái	1	
18.2	Vòng bi	XKAY-01834	Cái	2	
18.3	Bi	XKAY-01833	Cái	2	
18.4	Pistong phanh	XKAY-01831	Cái	1	
18.5	block	XKAY-01826 (XKAY-02132)	Cái	1	
18.6	Pistong	XKAY-01817	Cái	9	
18.7	Lá thép	XKAY-01816	Cái	4	
18.8	Lá gôm	XKAY-01815	Cái	3	
18.9	Vòng bi	XKAY-01790	Cái	2	
19	GIẢM TỐC DI CHUYỂN (ĐỜI MÁY TYPE2)				
19.1	Vỏ giảm tốc	XKAY-01782	Cái	2	
19.2	Mặt làm kín	XKAY-001781	Cái	3	
19.3	Vòng bi	XKAY-01780	Cái	2	
19.4	Căn	XKAY-01775	Cái	2	
19.5	Căn	XKAY-01777	Cái	2	
19.6	Vỏ bánh răng hành tinh	XKAY-01773	Cái	1	
19.7	Bánh răng	XKAY-01771	Cái	3	
19.8	Căn bánh răng hành tinh	XKAY-01770	Cái	6	
19.9	Ca trong vòng bi	XKAY-01769	Vòng	3	
19.10	Chốt ốc	XKAY-01768	Cái	3	
19.11	Khớp nối	XKAY-01767	Cái	1	
19.12	Bánh răng	XKAY-01766	Cái	1	
19.13	Vỏ bánh răng hành tinh	XKAY-01764	Cái	1	
19.14	Chốt ốc	XKAY-01759	Cái	3	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
19.15	Trục răng	XKAY-01758	Cái	1	
19.16	Phốt	XKAY-01781	Cái	2	
19.17	Ca trong vòng bi	XKAY-01760	Cái	3	
19.18	Căn	XKAY-01761	Cái	3	
19.19	Bánh răng	XKAY-01762	Cái	3	
19.20	Tầng mỏng di chuyển	XKAY-01765	Cái	1	
19.21	Chốt ốc	XKAY-01772	Cái	1	
20	XY LANH NÂNG CẦN				
20.1	Bạc xy lanh	61M9-90740 (61KH-72630)	Cái	4	
21	XY LANH TAY CẦN				
21.1	Bạc dẫn hướng	S732-070030	Cái	1	
21.2	Bạc	61M9-90750	Cái	2	
21.3	Ắc	61Q4-01120	Cái	1	
21.4	Bạc	61Q6-05540	Cái	1	
22	XY LANH ĐÓNG MỞ GÀU				
22.1	Bạc dẫn hướng	S732-080030	Cái	1	
22.2	Bạc	61M9-90740 (61KH-72630)	Cái	2	
	LẮP PHẦN GÀM				
1	Ắc xích	E181-2533 (E181-2535)	Cái	2	
2	Đai ốc	S441-160006	Cái	2	
23	GALIE TỖ (CON LẮM DƯỚI)				
24	GALIE ĐỖ (CON LẮM TRÊN)				
24.1	Vòng bi	82E6-2305	Cái	4	
25	BÁNH DẪN HƯỚNG				
25.1	Bạc	81N4-13120	Cái	4	
25.2	Trục	81N4-13110	Cái	2	
26	BỘ ĐIỀU CHỈNH TĂNG XÍCH				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
26.1	Ê cu	81E6-2015	Cái	2	
26.2	Ốc lá xích	81E6-26060	Cái	8	
26.3	Đai ốc	E181-2505	Cái	8	
26.4	Trục	81N5-14110	Cái	1	
27	VAN ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN				
27.1	Van điều khiển công suất máy + di chuyển + chống tụt tay gàu	XKBL-00080	Cái	2	
27.2	Van điện điều khiển	31QA-20041	Cái	1	
28	CA BIN				
28.1	Khóa cửa cabin	72Q6-02121	Cái	1	
28.2	Chân cabin trước	71Q6-22730	Cái	2	
28.3	Chân cabin sau	71Q6-22820	Cái	2	
29	GHẾ LÁI MÁY				
29.1	Rãnh trượt ghế	94000-DX00 (XKCV-00013)	Cái	1	
29.2	Khóa cửa	71Q6-42400	Cái	1	
30	HỆ THỐNG KHUNG				
30.1	Vòng bi mâm quay	81N4-01022GG	Cái	1	
31	CẦN CHÍNH				
31.1	Bạc chân cần	61M9-90730 (X172-143101)	Cái	2	
31.2	Ắc nối khung cần	61Q4-01010	Cái	1	
31.3	Ắc nối ty nâng cần với cần	61Q4-01020	Cái	1	
31.4	Ắc chân cần	61Q4-02400	Cái	2	
31.5	Ắc nối xy lanh	61Q4-01420 (61Q4-	Cái	3	

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	ra vào tay gầu	01410)			
32	TAY CẦN				
32.1	Bạc nối cần và tay cần	61M9-90721 (X171-143085)	Cái	2	
32.2	Bạc giữa tay cần	66N4-04000 (X171-133080)	Cái	4	
32.3s	Cần	71E9-10650-DA	Cái	4	
33	CÀNG CHỮ H				
33.1	Bạc	66N4-04000 (X171-133080)	Cái	2	
33.2	Bạc	66N4-05000	Cái	2	
33.3	Ắc gầu	61Q4-12060 (61Q4-02060)	Cái	2	
33.4	Ắc gầu	61N4-11091 (61Q4-01090)	Cái	1	
33.5	Ắc gầu	61Q4-11090	Cái	1	
33.6	Ắc gầu	61N4-11101	Cái	1	
34	GIÀN CÒ				
34.1	Giàn cò	3922488 (YUBP-00492)	Cái	4	
35	HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA				
35.1	Ống gas	11Q4-90430	Cái	1	
35.2	Ống gas	11Q4-90400	Cái	1	
35.3	Dây điều hoà	11N6-91130	Cái	1	
35.4	Pu ly tăng đai điều hoà	11N6-90110 (XKAN-01030)	Cái	1	
35.5	Lốc lạnh	11Q6-90040	Cái	1	
35.6	Giàn nóng	11Q6-90071	Cái	1	
35.7	Giàn lạnh+ van tiết lưu	11Q6-90560	Cái	1	
35.8	Cảm biến điều hoà	AH100730 (XKAN-01288)	Cái	1	
36	PHẦN PHỤC HỒI				

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1	Phục hồi lốc máy (rà mài phẳng)	3938366	Cái	1	
2	Sửa chữa mặt máy (rà mài phẳng mặt máy, xoáy supap nạp và supap xả)	3966447	Cái	1	
3	Rà mài sửa chữa trục cơ	3908031	Cái	1	
4	Cân chỉnh bơm cao áp, kim phun	4063968, 4025334	Bộ	1	
5	Hàn xử lý, mài sửa các vết nứt, ta rô các lỗ ren bắt ga lê, ca rô, đầu bảo hiểm ga lê trên sườn	81E6-26510, 81Q4-30220	Cái	2	
6	Hàn, sửa chữa cần, tay cần	61Q4-12013, 61Q4-2006	Cái	2	

PHỤ LỤC 2

MẪU BIỂU BÁO GIÁ SỬA CHỮA SỬA CHỮA LỚN MÁY XÚC BÁNH
XÍCH HYUNDAI R140LC-9S SỐ 03 PHÂN XƯỞNG CƠ ĐIỆN CÔNG TY
NHÔM ĐẮK NÔNG- TKV

Mẫu báo giá vật tư

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
Tổng cộng trước thuế:												
Thuế GTGT:												
Tổng cộng sau thuế:												
Bằng chữ:.....												

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày